

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN DƯ TIỀN TRÊN TÀI KHOẢN HAUÍ ĐÃ TỐT NGHIỆP**

| STT | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Giới tính | Lớp học              | Khoa         | Khóa               | Trạng thái                               | SỐ TIỀN CÒN THỪA TRONG TK HAUÍ |
|-----|------------|-----------------|--------|-----------|----------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|--------------------------------|
| 119 | 2017600527 | Vũ Thế          | Bang   | Nam       | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 27,400                         |
| 120 | 2017600658 | Đinh Hữu        | Hiệu   | Nam       | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 55,800                         |
| 121 | 2017601242 | Lê Anh          | Minh   | Nam       | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 19,800                         |
| 122 | 2017602691 | Nguyễn Thị Hiền | Lương  | Nữ        | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 88,800                         |
| 123 | 2017605295 | Hoàng Bá        | Gia    | Nam       | 2017DHDTTT07         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 57,400                         |
| 124 | 2017605665 | Nguyễn Quang    | Ninh   | Nam       | 2017DHDTTT07         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 52,800                         |
| 139 | 2017601756 | Đỗ Đình         | Cường  | Nam       | 2017DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 31,000                         |
| 140 | 2017601290 | Phạm Ngọc       | Việt   | Nam       | 2017DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 24,800                         |
| 191 | 2017600177 | Trần Tú         | Anh    | Nam       | 2017DHTTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 128,400                        |
| 192 | 2017600272 | Nguyễn Yến      | Linh   | Nữ        | 2017DHTTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 16,800                         |
| 193 | 2017602832 | Thanh           | Thảo   | Nữ        | 2017DHTTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 225,800                        |
| 204 | 1141050135 | Nguyễn Văn      | Nam    | Nam       | ĐH Công nghệ KTĐT 2  | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 39,000                         |
| 205 | 1141050221 | Hoàng Quyết     | Thắng  | Nam       | ĐH Công nghệ KTĐT 3  | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 76,000                         |
| 206 | 1041050378 | Trần Văn        | Công   | Nam       | ĐH Công nghệ KTĐT 4  | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 24,300                         |
| 229 | 2017606945 | Lương Văn       | Thuật  | Nam       | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 719 ngày 09/08/2021) | 25,000                         |
| 253 | 2017600591 | Nguyễn Nhân     | Luận   | Nam       | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 70,600                         |
| 254 | 2017602005 | Phan Thành      | Nam    | Nam       | 2017DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 25,400                         |
| 255 | 2017603575 | Nguyễn Trọng    | Trịnh  | Nam       | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 16,200                         |
| 256 | 2017604687 | Nguyễn Khánh    | Việt   | Nam       | 2017DHDTTT06         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 10,800                         |
| 406 | 2018600442 | Nguyễn Đình     | Khởi   | Nam       | 2018DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 11,600                         |
| 407 | 2018600530 | Phạm Như        | Thuần  | Nam       | 2018DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 60,000                         |
| 408 | 2018602818 | Nguyễn Công     | Chương | Nam       | 2018DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 21,000                         |
| 409 | 2018601964 | Đặng Văn        | Hùng   | Nam       | 2018DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 97,000                         |
| 410 | 2018601238 | Ngô Quốc        | Khánh  | Nam       | 2018DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 87,000                         |
| 411 | 2018601149 | Hà Minh         | Trường | Nam       | 2018DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 21,800                         |
| 412 | 2018604879 | Nguyễn Văn      | Tùng   | Nam       | 2018DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 10,200                         |
| 413 | 2018605178 | Trần Thanh      | Tùng   | Nam       | 2018DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 25,800                         |
| 414 | 2018605061 | Nguyễn Đan      | Vinh   | Nam       | 2018DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 16,800                         |
| 415 | 2018605562 | Lê Văn          | Đức    | Nam       | 2018DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 33,600                         |
| 416 | 2018605959 | Nguyễn Huy      | Hoàng  | Nam       | 2018DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 22,000                         |
| 417 | 2018605890 | Hoàng Văn       | Tý     | Nam       | 2018DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 230,000                        |
| 418 | 2018606302 | Nguyễn Văn      | Cường  | Nam       | 2018DHDTTT06         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 43,600                         |
| 515 | 2018606001 | Tổng Đình       | Hòa    | Nam       | 2018DHKTMT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 15,200                         |

|     |            |              |       |     |                     |              |                    |                                          |         |
|-----|------------|--------------|-------|-----|---------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 516 | 2018605895 | Lưu Văn      | Linh  | Nam | 2018DHKTMT02        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 126,000 |
| 517 | 2018605328 | Phạm Quang   | Quyền | Nam | 2018DHKTMT02        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 32,000  |
| 518 | 2018605703 | Nguyễn Văn   | Tùng  | Nam | 2018DHKTMT02        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 15,000  |
| 615 | 2018600169 | Đỗ Huy       | Hoàn  | Nam | 2018DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 88,400  |
| 616 | 2018600457 | Bùi Đức      | Minh  | Nam | 2018DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 46,800  |
| 624 | 1141050634 | Nguyễn Danh  | Việt  | Nam | tử 8                | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 37,000  |
| 648 | 2019608086 | Nguyễn Huy   | Nghĩa | Nam | LT CĐ - ĐH ĐTTT 1   | Khoa Điện tử | ĐH K15 LT          | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 700 ngày 28/06/2022) | 10,000  |
| 815 | 1731050084 | Lại Đức      | Anh   | Nam | CĐCNKT Điện tử TT 2 | Khoa Điện tử | CĐ K17 (2015-2018) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 646 ngày 31/07/2020) | 10,001  |
| 816 | 1631050090 | Ngô Thị      | Đào   | Nữ  | CĐCNKT Điện tử TT 2 | Khoa Điện tử | CĐ K16 (2014-2017) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 646 ngày 31/07/2020) | 50,000  |
| 953 | 0841050058 | Trần Huỳnh   | Đức   | Nam | thuật Điện tử 1     | Khoa Điện tử | ĐH K8 (2013-2017)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 25,000  |
| 954 | 1141050038 | Nguyễn Văn   | Hiển  | Nam | thuật Điện tử 1     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 69,000  |
| 955 | 1141050093 | Nguyễn Huy   | Minh  | Nam | thuật Điện tử 1     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 27,000  |
| 956 | 1141050016 | Bùi Văn      | Muôn  | Nam | thuật Điện tử 1     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 20,000  |
| 957 | 1141050075 | Nguyễn Tiến  | Văn   | Nam | thuật Điện tử 1     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 42,000  |
| 958 | 1041050102 | Nguyễn Duy   | Đúng  | Nam | thuật Điện tử 2     | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 12,300  |
| 959 | 1141050133 | Đào Thị      | Hoài  | Nữ  | thuật Điện tử 2     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 86,000  |
| 960 | 1041050158 | Nguyễn Hùng  | Phi   | Nam | thuật Điện tử 2     | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 37,300  |
| 961 | 1141050132 | Phương       | Thảo  | Nữ  | thuật Điện tử 2     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 35,000  |
| 962 | 1141050219 | Trần Bảo     | Lâm   | Nam | thuật Điện tử 3     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 291,000 |
| 963 | 1141050293 | Nguyễn Viết  | Cường | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 18,400  |
| 964 | 1141050269 | Nguyễn Văn   | Đại   | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 13,000  |
| 965 | 1141050276 | Hoàng Thanh  | Quyến | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 105,000 |
| 966 | 1141050315 | Hoàng Hữu    | Thắng | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 11,000  |
| 967 | 1141050301 | Phạm Văn     | Trọng | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 47,000  |
| 968 | 0941050373 | Đinh Văn     | Tuyền | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 28,000  |
| 969 | 1141050344 | Bùi Văn      | Chủ   | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 12,000  |
| 970 | 1141050372 | Trần Văn     | Cường | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 65,000  |
| 971 | 1141050353 | Tô Văn       | Du    | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 32,000  |
| 972 | 1141050369 | Đặng Hữu     | Đức   | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 101,000 |
| 973 | 1141050355 | Nguyễn Thiên | Huân  | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 14,000  |
| 974 | 1141050347 | Phạm Sỹ      | Hùng  | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 46,000  |
| 975 | 1141050340 | Nguyễn Hữu   | Nhiệm | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 23,000  |
| 976 | 1141050334 | Bùi Văn      | Thanh | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 20,000  |
| 977 | 1141050388 | Nguyễn Quyết | Tiến  | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 41,000  |
| 978 | 1141050444 | Đặng Phi     | Hùng  | Nam | thuật Điện tử 6     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 23,400  |
| 979 | 1141050422 | Bùi Anh      | Thắng | Nam | thuật Điện tử 6     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 95,000  |
| 980 | 1141050492 | Đàm Việt     | Anh   | Nam | thuật Điện tử 7     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 19,000  |
| 981 | 1141050508 | Nguyễn Công  | Chức  | Nam | thuật Điện tử 7     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 12,000  |
| 982 | 0941050591 | Đỗ Văn       | Đạo   | Nam | thuật Điện tử 7     | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 16,000  |
| 983 | 1141050493 | Đỗ Trung     | Nam   | Nam | thuật Điện tử 7     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 73,000  |
| 984 | 1141050614 | Đào Văn      | Phong | Nam | thuật Điện tử 8     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 35,001  |

|      |            |                 |       |     |                      |              |                    |                                          |         |
|------|------------|-----------------|-------|-----|----------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 985  | 1141050643 | Nguyễn Tiến     | Quân  | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 17,000  |
| 986  | 1141050639 | Lương Văn       | Thành | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 123,400 |
| 1092 | 1141150054 | Nguyễn Văn      | Công  | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 32,000  |
| 1093 | 1141150010 | Lê Quý          | Điền  | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 30,000  |
| 1094 | 1141150029 | Phạm Thanh      | Sơn   | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 105,000 |
| 1095 | 1141150098 | Nguyễn Mạnh     | Tùng  | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 13,000  |
| 1118 | 2017607033 | Nguyễn Thành    | Long  | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 49,000  |
| 1119 | 2017606716 | Nguyễn Đình     | Thành | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 645 ngày 31/07/2020) | 16,000  |
| 1405 | 2017600453 | Trần Khánh      | Anh   | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 166,800 |
| 1406 | 2017600246 | Nguyễn Quang    | Chiến | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 271,200 |
| 1407 | 2017600152 | Giáp Huy        | Hiếu  | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 49,400  |
| 1408 | 2017600445 | Nguyễn Văn      | Thế   | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 79,800  |
| 1409 | 2017600234 | Trần Thị Huyền  | Trang | Nữ  | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 27,400  |
| 1410 | 2017600086 | Phạm Như        | Việt  | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 55,800  |
| 1411 | 2017601361 | Nguyễn Đình     | Dũng  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 24,800  |
| 1412 | 2017600910 | Vương Trà       | Giang | Nữ  | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 146,800 |
| 1413 | 2017601249 | Đoàn Thị        | Hà    | Nữ  | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 46,800  |
| 1414 | 2017600775 | Đoàn Quang      | Luân  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 12,200  |
| 1415 | 2017600845 | Nguyễn Nhật     | Nam   | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 197,400 |
| 1416 | 2017601620 | Nguyễn Trọng    | Thái  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 15,800  |
| 1417 | 2017600825 | Nguyễn Đức      | Thắng | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 40,800  |
| 1418 | 2017600776 | Nguyễn Trung    | Thành | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 19,800  |
| 1419 | 2017601757 | Lê Anh          | Tuấn  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 77,400  |
| 1420 | 2017601650 | Ngô Xuân        | Tùng  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 29,200  |
| 1421 | 2017602582 | Nguyễn Văn      | Bảy   | Nam | 2017DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 77,400  |
| 1422 | 2017601944 | Lê Đình         | Hiệp  | Nam | 2017DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 22,800  |
| 1423 | 2017602120 | Nguyễn Trọng    | Quỳnh | Nam | 2017DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 15,800  |
| 1424 | 2017602960 | Lê Văn          | Dũng  | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 14,200  |
| 1425 | 2017603120 | Phạm Minh       | Hiếu  | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 11,200  |
| 1426 | 2017602927 | Đặng Thanh      | Liêm  | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 10,400  |
| 1427 | 2017602875 | Lê Đình         | Mạnh  | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 39,800  |
| 1428 | 2017602886 | Trương Công     | Tài   | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 37,800  |
| 1429 | 2017603318 | Lê Thị          | Thúy  | Nữ  | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 206,200 |
| 1430 | 2017603279 | Nguyễn Anh      | Tiến  | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 10,520  |
| 1431 | 2017602914 | Trần Viết       | Tuyền | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 77,800  |
| 1432 | 2017604163 | Lê Huy          | Dũng  | Nam | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 15,800  |
| 1433 | 2017604341 | Trần Ngọc Đức   | Hiếu  | Nam | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 66,200  |
| 1434 | 2017603751 | Nguyễn Thị Minh | Huệ   | Nữ  | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 244,000 |
| 1435 | 2017603746 | Lương Thu       | Hường | Nữ  | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 42,000  |
| 1436 | 2017603645 | La Văn          | Quý   | Nam | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 28,200  |
| 1437 | 2017603567 | Ngô Xuân        | Quyền | Nam | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 76,800  |

|      |            |                |        |     |                     |              |                    |                                          |         |
|------|------------|----------------|--------|-----|---------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 1438 | 2017603549 | Nguyễn Văn     | Thạo   | Nam | 2017DHDTTT05        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 47,400  |
| 1439 | 2017603763 | Nguyễn Thị     | Thương | Nữ  | 2017DHDTTT05        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 12,400  |
| 1440 | 2017603936 | Vũ Đình        | Văn    | Nam | 2017DHDTTT05        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 73,800  |
| 1441 | 2017604908 | Vũ Đình        | Cường  | Nam | 2017DHDTTT06        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 73,800  |
| 1442 | 2017605015 | Hoàng Thị Lan  | Nhi    | Nữ  | 2017DHDTTT06        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 39,400  |
| 1443 | 2017605212 | Vũ Văn         | Quỳnh  | Nam | 2017DHDTTT06        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 45,800  |
| 1444 | 2017605848 | Hoàng Văn      | Đăng   | Nam | 2017DHDTTT07        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 30,600  |
| 1445 | 2017605453 | Đình Văn       | Huỳnh  | Nam | 2017DHDTTT07        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 30,800  |
| 1552 | 2017600739 | Nguyễn Thái    | Bình   | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 94,800  |
| 1553 | 2017600473 | Nguyễn Hữu     | Đạt    | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 60,800  |
| 1554 | 2017600716 | Nguyễn Mạnh    | Dũng   | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 44,800  |
| 1555 | 2017600861 | Hà Thị Kim     | Lanh   | Nữ  | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 60,000  |
| 1556 | 2017600801 | Đậu Đình       | Quân   | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 105,400 |
| 1557 | 2017601089 | Trần Quang     | Trường | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 104,800 |
| 1558 | 2017600162 | Tạ Anh         | Tuấn   | Nam | 2017DHKTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 14,800  |
| 1559 | 2017602926 | Nguyễn Quốc    | Đạt    | Nam | 2017DHKTMT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 28,800  |
| 1738 | 2017602965 | Trần Thế       | Anh    | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 12,400  |
| 1739 | 2017602023 | Trần Văn       | Cường  | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 15,800  |
| 1740 | 2017601624 | Đoàn Văn       | Đông   | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 70,800  |
| 1741 | 2017602055 | Nguyễn Thị Thu | Hằng   | Nữ  | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 130,800 |
| 1742 | 2017603157 | Hoàng Văn      | Trọng  | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 22,400  |
| 1743 | 2017602103 | Nguyễn Huy     | Trung  | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 113,200 |
| 1744 | 2017603708 | Dương Tuấn     | Tùng   | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 20,800  |
| 1745 | 2017603370 | Trần Long      | Vũ     | Nam | 2017DHTTMT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 10,800  |
| 1769 | 1041050347 | Lê Minh        | Thám   | Nam | thuật Điện tử 4     | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 37,300  |
| 1770 | 1141050358 | Trịnh Xuân     | Thái   | Nam | thuật Điện tử 5     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 45,400  |
| 1771 | 1141050579 | Nguyễn Tiến    | Việt   | Nam | thuật Điện tử 8     | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 76,400  |
| 1804 | 1141150008 | Phạm Minh      | Nhân   | Nam | mạng MT 2           | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 23,000  |
| 1838 | 2017607662 | Hà Việt        | Hiếu   | Nam | thông 2             | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 70,000  |
| 1839 | 2017607864 | Nguyễn Xuân    | Lập    | Nam | thông 3             | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 642 ngày 12/07/2021) | 40,000  |
| 1922 | 1174050010 | Khương Quang   | Trịnh  | Nam | CĐĐH CNKT Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 216,000 |
| 2024 | 1141250062 | Khổng Văn      | Chức   | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 63,600  |
| 2025 | 1141250025 | Trần Trọng     | Cường  | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 16,000  |
| 2026 | 1141250008 | Lê Đăng        | Khôi   | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 87,000  |
| 2027 | 1141250067 | Nguyễn Ngọc    | Long   | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 21,000  |
| 2028 | 1141250035 | Nguyễn Văn     | Thành  | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 11,000  |
| 2029 | 1141250027 | Phạm Văn       | Tới    | Nam | tính 1              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 20,000  |
| 2030 | 1141250135 | Nghiêm Thọ     | Đô     | Nam | tính 2              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 32,000  |
| 2031 | 1141250146 | Nguyễn Đức     | Hoài   | Nam | tính 2              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 47,600  |
| 2032 | 1141250089 | Nguyễn Thị Thu | Huyền  | Nữ  | tính 2              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 91,000  |
| 2033 | 1141250130 | Phan Văn       | Long   | Nam | tính 2              | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 96,000  |

|      |            |                  |        |     |                 |              |                    |                                          |         |
|------|------------|------------------|--------|-----|-----------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 2034 | 1141250128 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai    | Nữ  | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 22,000  |
| 2035 | 1141250155 | Nguyễn Văn       | Sang   | Nam | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 31,000  |
| 2036 | 1141250154 | Nguyễn Quang     | Triển  | Nam | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 30,000  |
| 2037 | 1141250121 | Vũ Hữu           | Tuấn   | Nam | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 22,000  |
| 2038 | 1141250157 | Nguyễn Thanh     | Tùng   | Nam | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 12,000  |
| 2039 | 1141250163 | Lê Hoàng         | Việt   | Nam | tính 2          | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 61,000  |
| 2236 | 1141050055 | Huỳnh Bá         | Đạt    | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 49,400  |
| 2237 | 1141050028 | Lê Trung         | Đức    | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 91,000  |
| 2238 | 1141050064 | Phạm Văn         | Hào    | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 14,400  |
| 2239 | 1041050019 | Nguyễn Văn       | Hiệp   | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 21,300  |
| 2240 | 1041050146 | Nguyễn Việt      | Hoàng  | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 23,000  |
| 2241 | 1141050048 | Trần Ngọc        | Khánh  | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 54,000  |
| 2242 | 1141050090 | Đinh Hoàng Tùng  | Lâm    | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 44,000  |
| 2243 | 1141050012 | Mai Thị Phương   | Loan   | Nữ  | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 18,000  |
| 2244 | 1141050079 | Dương Công       | Minh   | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 53,000  |
| 2245 | 1041050013 | Vũ Hồng          | Sáng   | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 251,300 |
| 2246 | 1141050047 | Lê Ngọc          | Sơn    | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 10,000  |
| 2247 | 1041050679 | Bùi Văn          | Thường | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 58,300  |
| 2248 | 1141050008 | Phạm Thị Thanh   | Thủy   | Nữ  | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 626,000 |
| 2249 | 1141050073 | Đồng Thị         | Trà    | Nữ  | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 45,000  |
| 2250 | 1141050052 | Hoàng Tuấn       | Tú     | Nam | thuật Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 17,000  |
| 2251 | 1141050164 | Đỗ Công          | Điệp   | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 32,000  |
| 2252 | 1141050148 | Nguyễn Viết      | Hải    | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 21,000  |
| 2253 | 1141050154 | Lê Thị           | Hằng   | Nữ  | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 13,400  |
| 2254 | 1141050105 | Phan Thanh       | Nghĩa  | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 10,000  |
| 2255 | 1041050103 | Tiêu Thị Thanh   | Tâm    | Nữ  | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 14,300  |
| 2256 | 1141050114 | Nguyễn Gia       | Thái   | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 67,000  |
| 2257 | 1141050165 | Đặng Xuân        | Thành  | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 134,000 |
| 2258 | 1141050110 | Lê Văn           | Thảo   | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 18,000  |
| 2259 | 1141050167 | Đoàn Cao         | Thiên  | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 18,000  |
| 2260 | 1041050185 | Dương Quang      | Thực   | Nam | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 16,300  |
| 2261 | 1141050118 | Nguyễn Thị       | Trang  | Nữ  | thuật Điện tử 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 19,000  |
| 2262 | 1141050183 | Nguyễn Thành     | Đạt    | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 59,000  |
| 2263 | 1141050241 | Vũ Minh          | Hiếu   | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 42,000  |
| 2264 | 1141050213 | Vũ Thị           | Linh   | Nữ  | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 48,000  |
| 2265 | 1041050264 | Vũ Viết          | Nam    | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 42,300  |
| 2266 | 1141050229 | Nguyễn Hồng      | Quân   | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 37,000  |
| 2267 | 1041050279 | Lê Công Tuấn     | Thành  | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 14,300  |
| 2268 | 1141050191 | Trần Thị         | Thiết  | Nữ  | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 96,000  |
| 2269 | 1141050178 | Khúc Tuấn        | Vũ     | Nam | thuật Điện tử 3 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 18,000  |
| 2270 | 1141050306 | Đặng Thị Vân     | Anh    | Nữ  | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 20,000  |

|      |            |                |        |     |                 |              |                    |                                          |         |
|------|------------|----------------|--------|-----|-----------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 2271 | 1141050317 | Thân Tuyết     | Minh   | Nữ  | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 49,000  |
| 2272 | 1141050321 | Bùi Thị        | Nhung  | Nữ  | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 30,200  |
| 2273 | 1141050289 | Trần Kim       | Sơn    | Nam | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 10,000  |
| 2274 | 1141050254 | Bùi Thị        | Thảo   | Nữ  | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 16,000  |
| 2275 | 1141050318 | Nguyễn Thị Hải | Yến    | Nữ  | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 23,000  |
| 2276 | 1141050356 | Phạm Văn       | Chinh  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 37,000  |
| 2277 | 1141050381 | Lê Thành       | Công   | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 39,000  |
| 2278 | 1141050396 | Mạc Văn        | Duy    | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 18,000  |
| 2279 | 1041050412 | Lương Xuân     | Giang  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 17,300  |
| 2280 | 1141050343 | Đỗ Văn         | Hiệp   | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 54,000  |
| 2281 | 1141050389 | Nguyễn Duy     | Khánh  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 14,000  |
| 2282 | 1141050384 | Ngô Xuân       | Lộc    | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 113,000 |
| 2283 | 1141050352 | Trần Văn       | Mạnh   | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 37,000  |
| 2284 | 1141050331 | Lê Ngọc        | Quang  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 38,000  |
| 2285 | 1141050390 | Lã Xuân        | Quý    | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 11,000  |
| 2286 | 1041050474 | Bùi Hữu        | Sơn    | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 32,300  |
| 2287 | 1041050507 | Nguyễn Thị     | Biển   | Nữ  | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 12,300  |
| 2288 | 1141050416 | Vương Tiến     | Dũng   | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 74,000  |
| 2289 | 1141050455 | Nguyễn Thị     | Hiền   | Nữ  | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 37,600  |
| 2290 | 1141050411 | Nguyễn Mạnh    | Hùng   | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 59,000  |
| 2291 | 1041050480 | Nguyễn Ngọc    | Quý    | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 39,300  |
| 2292 | 1141050462 | Nguyễn Thị     | Thảo   | Nữ  | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 46,000  |
| 2293 | 1141050418 | Nguyễn Bá      | Văn    | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 15,000  |
| 2294 | 1141050494 | Đàm Văn        | Dương  | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 46,000  |
| 2295 | 1141050547 | Vũ Quang       | Hiển   | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 21,400  |
| 2296 | 1141050497 | Đinh Thị       | Hợp    | Nữ  | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 102,000 |
| 2297 | 1141050516 | Phạm Ngọc      | Hùng   | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 20,000  |
| 2298 | 1141050556 | Phan Sỹ        | Thuần  | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 36,000  |
| 2299 | 1141050529 | Nguyễn Văn     | Tiếp   | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 59,000  |
| 2300 | 1141050476 | Nguyễn Bá      | Trọng  | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 32,000  |
| 2301 | 1141050622 | Ninh Quốc      | Đoàn   | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 36,000  |
| 2302 | 1141050611 | Đinh Xuân      | Hiếu   | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 25,400  |
| 2303 | 1141050574 | Bùi Văn        | Huy    | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 16,000  |
| 2304 | 1141050605 | Vũ Văn         | Nam    | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 23,000  |
| 2305 | 1141050612 | Lê Anh         | Quân   | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 85,000  |
| 2306 | 1141050633 | Thương         | Thương | Nữ  | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 13,000  |
| 3043 | 1141150030 | Vũ Anh         | Quyền  | Nam | mạng MT 1       | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 202,000 |
| 3044 | 1141150107 | Ngô Xuân       | Mạnh   | Nam | mạng MT 2       | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 32,000  |
| 3045 | 1141150007 | Nguyễn Thị     | Thương | Nữ  | mạng MT 2       | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 82,000  |
| 3046 | 1141150079 | Đinh Xuân      | Trường | Nam | mạng MT 2       | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 30,000  |
| 3047 | 1141150046 | Mai Quốc       | Tuấn   | Nam | mạng MT 2       | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 44,000  |

|      |            |                |        |     |                      |              |                    |                                          |         |
|------|------------|----------------|--------|-----|----------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|---------|
| 3143 | 2017607561 | Nguyễn Công    | Khanh  | Nam | thông 2              | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 50,000  |
| 3153 | 1146050004 | Phạm Văn       | Thanh  | Nam | TCĐH CNKT Điện tử 1  | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 42,000  |
| 3154 | 1146050001 | Trương Cao     | Trường | Nam | TCĐH CNKT Điện tử 1  | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 511 ngày 26/06/2020) | 40,000  |
| 3192 | 2017601372 | Trương Đức     | Chính  | Nam | 2017DHDHDTT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 14,800  |
| 3193 | 2017601699 | Trần Quang     | Khải   | Nam | 2017DHDHDTT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 33,400  |
| 3194 | 2017601279 | Nguyễn Phương  | Nam    | Nam | 2017DHDHDTT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 47,400  |
| 3195 | 2017600887 | Nguyễn Công    | Tuyến  | Nam | 2017DHDHDTT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 17,200  |
| 3196 | 2017601633 | Phạm Tuấn      | Vy     | Nam | 2017DHDHDTT02        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 15,800  |
| 3197 | 2017602698 | Nguyễn Thị     | Quyên  | Nữ  | 2017DHDHDTT04        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 17,800  |
| 3198 | 2017603600 | Lê Công        | Hùng   | Nam | 2017DHDHDTT05        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 10,400  |
| 3199 | 2017604441 | Trương Đô      | Thành  | Nam | 2017DHDHDTT06        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 35,800  |
| 3213 | 2017600829 | Lê Đình        | Tuấn   | Nam | 2017DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 27,400  |
| 3214 | 2017602136 | Nguyễn Văn     | Thắng  | Nam | 2017DHKTMT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 43,600  |
| 3254 | 1141250076 | Đỗ Quang       | Huy    | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 79,400  |
| 3259 | 1141050103 | Vũ Huy         | Thanh  | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 11,400  |
| 3260 | 1041050196 | Trần Hải       | Trung  | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 20,300  |
| 3261 | 1141050234 | Đặng Thế Công  | Minh   | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 20,000  |
| 3262 | 1141050387 | Trần Tuấn      | Anh    | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 14,000  |
| 3263 | 1141050535 | Đỗ Văn         | Trường | Nam | thuật Điện tử 7      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 29,000  |
| 3294 | 2017606759 | Chu Văn        | Dũng   | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 393 ngày 13/04/2022) | 82,000  |
| 3320 | 2017600348 | Nguyễn Chí     | Nam    | Nam | 2017DHDHDTT01        | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 14,200  |
| 3344 | 2018605635 | Trần Thanh     | Duy    | Nam | 2018DHDHDTT04        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 10,000  |
| 3345 | 2018605882 | Phạm Thị Tuyết | Anh    | Nữ  | 2018DHDHDTT05        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 23,400  |
| 3346 | 2018606325 | Nguyễn Đức     | Hưng   | Nam | 2018DHDHDTT06        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 20,000  |
| 3347 | 2018606784 | Mai Trung      | Phương | Nam | 2018DHDHDTT07        | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 30,000  |
| 3350 | 2018605524 | Bùi Sỹ         | Quang  | Nam | 2018DHKTMT02         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 42,000  |
| 3371 | 1141050316 | Thịnh Đình     | An     | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 379 ngày 04/04/2023) | 38,400  |
| 3396 | 1831050013 | Nguyễn Văn     | Khương | Nam | truyền thông 1       | Khoa Điện tử | CĐ K18 (2016-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 377 ngày 04/04/2023) | 27,300  |
| 4072 | 1141250056 | Đỗ Văn         | Lợi    | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 36,000  |
| 4093 | 1041050086 | Dương Ngô      | Tuấn   | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 28,000  |
| 4094 | 1141050112 | Đoàn Công      | Đại    | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 40,000  |
| 4095 | 1141050138 | Nguyễn Thế     | Hùng   | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 18,000  |
| 4096 | 1141050120 | Nguyễn Thị     | Hương  | Nữ  | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 22,000  |
| 4097 | 1041050266 | Nguyễn Văn     | Toán   | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 36,300  |
| 4098 | 1141050274 | Đỗ Tuấn        | Cảnh   | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 23,400  |
| 4099 | 1041050321 | Phạm Văn       | Cường  | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 66,300  |
| 4100 | 1141050329 | Tuấn           | Anh    | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 60,600  |
| 4101 | 1141050332 | Nguyễn Quý     | Đôn    | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 15,000  |
| 4102 | 0941050430 | Nguyễn Trung   | Thành  | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 414,000 |
| 4103 | 1141050426 | Phan Ty        | Phông  | Nam | thuật Điện tử 6      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 19,000  |
| 4104 | 1141050631 | Tô Công        | Minh   | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021) | 11,400  |

|      |              |                |        |     |                      |              |                    |                                           |         |
|------|--------------|----------------|--------|-----|----------------------|--------------|--------------------|-------------------------------------------|---------|
| 4105 | 1141050591   | Nguyễn Quốc    | Phong  | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 38,400  |
| 4106 | 1141050573   | Nguyễn Thế     | Tiến   | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 24,000  |
| 4107 | 1141050590   | Phạm Nguyên    | Vũ     | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 25,400  |
| 4169 | 1141150006   | Mai Việt       | Hùng   | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 16,000  |
| 4170 | 1141150028   | Chu Mạnh       | Kiên   | Nam | mạng MT 1            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 16,000  |
| 4171 | 1141150086   | Trần Tú        | Anh    | Nam | mạng MT 2            | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 13,000  |
| 4193 | 2017607384   | Nguyễn Hữu     | Hội    | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 17,000  |
| 4200 | 2017607950   | Nguyễn Phúc    | Nam    | Nam | thông 3              | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 90,000  |
| 4201 | 2017607942   | Hồ Văn         | Phong  | Nam | thông 3              | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 90,000  |
| 4202 | 2017607971   | Phí Văn        | Trường | Nam | thông 3              | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 172 ngày 04/03/2021)  | 10,000  |
| 4232 | 1531050049   | Phạm Văn       | Cao    | Nam | truyền thông(C05) 1  | Khoa Điện tử | CĐ K15 (2013-2016) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 149 ngày 04/03/2020)  | 49,000  |
| 4233 | 1731050200CT | Phạm Trung     | Dũng   | Nam | truyền thông(C05) 1  | Khoa Điện tử | CĐ K17 (2015-2018) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 149 ngày 04/03/2020)  | 90,001  |
| 4234 | 1731050104   | Đàm Văn        | Sơn    | Nam | truyền thông(C05) 2  | Khoa Điện tử | CĐ K17 (2015-2018) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 149 ngày 04/03/2020)  | 28,000  |
| 4287 | 2017600146   | Phạm Đức       | Tuấn   | Nam | 2017DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 212,800 |
| 4288 | 2017601457   | Đỗ Văn         | Phúc   | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 41,400  |
| 4289 | 2017601070   | Nguyễn Quang   | Thắng  | Nam | 2017DHDTTT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 41,000  |
| 4295 | 2017600187   | Vũ Ngô Minh    | Hậu    | Nam | 2017DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 11,200  |
| 4296 | 2017603320   | Đặng Cao       | Thành  | Nam | 2017DHKTMT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 30,800  |
| 4339 | 2018600761   | Vũ Bá          | Đại    | Nam | 2018DHDTTT01         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 59,000  |
| 4340 | 2018603599   | Phan Thanh     | Bình   | Nam | 2018DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 50,200  |
| 4341 | 2018606290   | Nguyễn Thùy    | Trang  | Nữ  | 2018DHDTTT06         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 42,000  |
| 4342 | 2018606520   | Phạm Thế       | Long   | Nam | 2018DHDTTT07         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 37,000  |
| 4354 | 2018600636   | Lê             | Hải    | Nam | 2018DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 32,400  |
| 4355 | 2018603816   | Nguyễn Đức     | Hùng   | Nam | 2018DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 16,000  |
| 4376 | 1141250171   | Vũ Đình        | Duy    | Nam | tính 2               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 53,000  |
| 4380 | 1141050032   | Đinh Văn       | Dinh   | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 42,000  |
| 4381 | 1041050031   | Trương Hùng    | Sơn    | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 57,300  |
| 4382 | 1141050130   | Trần Thái      | Ngọc   | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 29,000  |
| 4383 | 1141050179   | Lê Văn         | Tùng   | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 34,000  |
| 4384 | 1141050263   | Bùi Tuấn       | Thành  | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 21,000  |
| 4385 | 1141050311   | Nguyễn Xuân    | Thịnh  | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 12,000  |
| 4411 | 2017607348   | Phạm Ánh       | Sao    | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 148,000 |
| 4424 | 2019607816   | Nguyễn Đức     | An     | Nam | LT CĐN - ĐH ĐTTT 1   | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1316 ngày 11/11/2022) | 20,000  |
| 4439 | 0974050100   | Cù Đức         | Hải    | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 33,000  |
| 4475 | 1041050094   | Tôn Bảo        | Toàn   | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 20,000  |
| 4476 | 1041050137   | Lương Thị Hoài | Thương | Nữ  | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 17,300  |
| 4477 | 0841050367   | Nguyễn Sơn     | Hải    | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K8 (2013-2017)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 18,500  |
| 4478 | 1141050367   | Nguyễn Văn     | Hải    | Nam | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 27,000  |
| 4479 | 1041050466   | Phạm Thị Nhật  | Lệ     | Nữ  | thuật Điện tử 5      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 18,300  |
| 4480 | 1041050502   | Lê Trung       | Kiên   | Nam | thuật Điện tử 6      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 52,300  |
| 4481 | 1041050531   | Nguyễn Minh    | Kiên   | Nam | thuật Điện tử 6      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 17,300  |

|      |            |               |        |     |                      |              |                    |                                           |         |
|------|------------|---------------|--------|-----|----------------------|--------------|--------------------|-------------------------------------------|---------|
| 4482 | 1041050541 | Bùi Quang     | Phúc   | Nam | thuật Điện tử 6      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 12,300  |
| 4483 | 1041050669 | Mai Tiến      | Đạt    | Nam | thuật Điện tử 7      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 19,300  |
| 4484 | 1041050646 | Vũ Nam        | Quân   | Nam | thuật Điện tử 7      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 31,300  |
| 4485 | 1141050566 | Đỗ Văn        | Thiện  | Nam | thuật Điện tử 8      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 13,000  |
| 4571 | 2017607397 | Nguyễn Xuân   | Đông   | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 46,000  |
| 4572 | 2017606625 | Phùng Hữu     | Hiệp   | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 17,000  |
| 4573 | 2017606672 | Đỗ Đức        | Hiếu   | Nam | LT CĐ - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 121 ngày 25/02/2020)  | 97,000  |
| 4732 | 2017602204 | Tổng Thanh    | Dũng   | Nam | 2017DHDTTT03         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 180,800 |
| 4733 | 2017602735 | Nguyễn Duy    | Sơn    | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 43,800  |
| 4734 | 2017603401 | Hoàng Viết    | Sự     | Nam | 2017DHDTTT04         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 15,800  |
| 4735 | 2017603698 | Bùi Duy       | Lượng  | Nam | 2017DHDTTT05         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 40,800  |
| 4736 | 2017605439 | Nguyễn Phương | Tây    | Nam | 2017DHDTTT07         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 29,800  |
| 4737 | 2017605589 | Đặng Bá       | Vinh   | Nam | 2017DHDTTT07         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 22,200  |
| 4763 | 2017600965 | Nguyễn Gia    | Nguyên | Nam | 2017DHKTMT01         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 66,800  |
| 4764 | 2017602566 | Nguyễn Hữu    | Linh   | Nam | 2017DHKTMT02         | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 350,400 |
| 4805 | 1141250058 | Nguyễn Công   | Huy    | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 15,000  |
| 4806 | 1141250005 | Nguyễn Tuấn   | Phương | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 250,000 |
| 4818 | 1141050030 | Đặng Gia      | Đạt    | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 56,000  |
| 4819 | 0941050155 | Đàm Văn       | Phú    | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 10,000  |
| 4820 | 0941050163 | Nguyễn Chí    | Tiến   | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 134,000 |
| 4821 | 1041050323 | Đặng Ngọc     | Duy    | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 15,300  |
| 4822 | 0841050455 | Nguyễn Việt   | Hưng   | Nam | thuật Điện tử 6      | Khoa Điện tử | ĐH K8 (2013-2017)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 14,500  |
| 4823 | 0941050615 | Nguyễn Văn    | Đức    | Nam | thuật Điện tử 7      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 90,000  |
| 4849 | 1141150055 | Nguyễn Mạnh   | Hiếu   | Nam | mạng máy tính 1      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 362,000 |
| 4882 | 2017608037 | Nguyễn Văn    | Thuấn  | Nam | thông 3              | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 50,000  |
| 4893 | 2017606589 | Lâm Ngọc      | Thức   | Nam | LT TC - ĐH Điện tử 1 | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1027 ngày 15/11/2021) | 36,000  |
| 4901 | 1174050072 | Nguyễn Mạnh   | Khải   | Nam | CĐĐH CNKT Điện tử 1  | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 22,000  |
| 4930 | 1141250016 | Nguyễn Văn    | Dim    | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 28,000  |
| 4931 | 1141250020 | Vũ Tuấn       | Hoàng  | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 31,600  |
| 4932 | 1141250048 | Nguyễn Công   | Nam    | Nam | tính 1               | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 14,000  |
| 4986 | 1041050532 | Lê Văn        | Bắc    | Nam | thuật Điện tử 1      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 18,400  |
| 4987 | 1141050121 | Phạm Văn      | Hiếu   | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 15,000  |
| 4988 | 1041050187 | Trần Văn      | Linh   | Nam | thuật Điện tử 2      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 39,300  |
| 4989 | 1141050212 | Đinh Thị Ngọc | Hà     | Nữ  | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 22,000  |
| 4990 | 1141050203 | Đỗ Văn        | Hợp    | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 13,000  |
| 4991 | 0941050213 | Nguyễn Văn    | Hùng   | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K9 (2014-2018)  | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 10,000  |
| 4992 | 1141050225 | Phạm Hoàng    | Sơn    | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 153,000 |
| 4993 | 1141050223 | Nguyễn Nam    | Trường | Nam | thuật Điện tử 3      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 321,000 |
| 4994 | 1041050374 | Nguyễn Hữu    | Đức    | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 24,700  |
| 4995 | 1141050308 | Đỗ Quang      | Hà     | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 130,000 |
| 4996 | 1141050251 | Vũ Tiến       | Mạnh   | Nam | thuật Điện tử 4      | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 21,000  |

|      |            |               |       |     |                 |              |                    |                                           |            |
|------|------------|---------------|-------|-----|-----------------|--------------|--------------------|-------------------------------------------|------------|
| 4997 | 1141050270 | Nguyễn Văn    | Thiết | Nam | thuật Điện tử 4 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 13,000     |
| 4998 | 1141050377 | Lê Văn        | Cường | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 26,400     |
| 4999 | 1141050379 | Lê Văn        | Cường | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 35,000     |
| 5000 | 1141050346 | Phạm Văn      | Tuân  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 33,000     |
| 5001 | 1041050472 | Hà Đức        | Tuấn  | Nam | thuật Điện tử 5 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 29,000     |
| 5002 | 1141050448 | Phạm Văn      | Chiến | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 32,000     |
| 5003 | 1141050410 | Trần Viết     | Dũng  | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 69,400     |
| 5004 | 1141050443 | Nguyễn Thanh  | Long  | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 61,000     |
| 5005 | 1141050447 | Đỗ Văn        | Nghĩa | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 31,000     |
| 5006 | 1141050474 | Hoàng Đức     | Quỳnh | Nam | thuật Điện tử 6 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 76,000     |
| 5007 | 1041050654 | Hoàng Văn     | Đại   | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 23,300     |
| 5008 | 1141050501 | Phạm Văn      | Hiếu  | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 17,000     |
| 5009 | 1141050538 | Bùi Đức       | Hoàng | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 89,000     |
| 5010 | 1141050504 | Tổng Văn      | Sáng  | Nam | thuật Điện tử 7 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 24,000     |
| 5011 | 1141050577 | Nguyễn Lang   | Hoàn  | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 45,400     |
| 5012 | 1141050635 | Ngô Văn       | Hoàng | Nam | thuật Điện tử 8 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 140,000    |
| 5166 | 1141150031 | Đặng Hồng     | Đức   | Nam | mạng máy tính 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 97,400     |
| 5167 | 1141150061 | Vũ Trọng      | Nghĩa | Nam | mạng máy tính 1 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 109,000    |
| 5168 | 1141150103 | Nguyễn Ngọc   | Đoài  | Nam | mạng máy tính 2 | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 1017 ngày 23/10/2020) | 67,000     |
| 261  | 2017603422 | Nguyễn Hoàng  | Hải   | Nam | 2017DHDTTT04    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 1,800      |
| 262  | 2017605426 | Lê Văn        | Nhất  | Nam | 2017DHDTTT07    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 699,800    |
| 263  | 2017600391 | Nguyễn Văn    | Tú    | Nam | 2017DHKTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 8,800      |
| 264  | 2017603055 | Trần Bình     | Minh  | Nam | 2017DHKTMT02    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 10,400     |
| 265  | 2017603644 | Nguyễn Văn    | Quân  | Nam | 2017DHKTMT02    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 14,800     |
| 266  | 2017601952 | Nguyễn Văn    | Long  | Nam | 2017DHTTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K12 (2017-2021) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 10,000     |
| 267  | 2018601206 | Bùi Đức       | Long  | Nam | 2018DHDTTT02    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 2,000      |
| 268  | 2018603193 | Nguyễn Phi    | Thông | Nam | 2018DHDTTT02    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 2,200      |
| 269  | 2018603403 | Trần Hữu      | Tiến  | Nam | 2018DHDTTT03    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 7,000      |
| 270  | 2018606599 | Đào Ngọc      | Hà    | Nam | 2018DHDTTT07    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 13,400     |
| 271  | 2018601312 | Trần Văn      | Dương | Nam | 2018DHKTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 7,000      |
| 272  | 2018606630 | Nguyễn Hữu    | Minh  | Nam | 2018DHKTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 7,000      |
| 273  | 2018601601 | Kiều Bảo      | Ngọc  | Nam | 2018DHKTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 235,200    |
| 274  | 2018606466 | Nhữ Quang     | Đạt   | Nam | 2018DHKTMT02    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 85,200     |
| 275  | 2018605541 | Đoàn Văn      | Thái  | Nam | 2018DHKTMT02    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 5,200      |
| 276  | 2018605827 | Hoàng Thanh   | Trang | Nữ  | 2018DHKTMT02    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 15,200     |
| 277  | 2018601594 | Tô Quang      | Khải  | Nam | 2018DHTTMT01    | Khoa Điện tử | ĐH K13 (2018-2022) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 92,000     |
| 278  | 2019600533 | Bùi Thị Huyền | Diệu  | Nữ  | 2019DHDTTT01    | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 12,108,700 |
| 279  | 2019600886 | Nguyễn Tùng   | Dương | Nam | 2019DHDTTT01    | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 140,800    |
| 280  | 2019608324 | Nguyễn Văn    | Quyết | Nam | 2019DHDTTT01    | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 20,000     |
| 281  | 1141050393 | Nguyễn Quang  | Việt  | Nam | 2019DHDTTT01    | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023)  | 2,925,000  |

|     |            |               |        |     |                   |              |                    |                                          |            |
|-----|------------|---------------|--------|-----|-------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|------------|
| 282 | 2019601728 | Đỗ Thành      | Duy    | Nam | 2019DHDTTT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 20,000     |
| 283 | 2019601627 | Bùi Thị       | Luân   | Nữ  | 2019DHDTTT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 3,648,800  |
| 284 | 2019602049 | Vũ Văn        | Toản   | Nam | 2019DHDTTT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 30,000     |
| 285 | 2019602294 | Nguyễn Văn    | Phương | Nam | 2019DHDTTT03      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 234,700    |
| 286 | 2019602862 | Nguyễn Anh    | Tú     | Nam | 2019DHDTTT03      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,925,000  |
| 287 | 2019603337 | Nguyễn Thanh  | Bằng   | Nam | 2019DHDTTT04      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,000      |
| 288 | 2019604147 | Đỗ Mạnh Thành | Đạt    | Nam | 2019DHDTTT04      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,925,000  |
| 289 | 2019603578 | Hồ Quang      | Minh   | Nam | 2019DHDTTT04      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,925,700  |
| 290 | 2019604437 | Trương Tiến   | Nam    | Nam | 2019DHDTTT05      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 20,200     |
| 291 | 2019604680 | Nguyễn Dương  | Thịnh  | Nam | 2019DHDTTT05      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 281,600    |
| 292 | 2019605450 | Nguyễn Tiến   | Anh    | Nam | 2019DHDTTT06      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,400      |
| 293 | 2019605418 | Triệu Chí     | Công   | Nam | 2019DHDTTT06      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,000      |
| 294 | 2019605283 | Hoàng Văn     | Sơn    | Nam | 2019DHDTTT06      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 10,063,000 |
| 295 | 2019606138 | Đào Huy       | Tân    | Nam | 2019DHDTTT06      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,400      |
| 296 | 2019605796 | Nguyễn Hữu    | Triệu  | Nam | 2019DHDTTT06      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 140,800    |
| 297 | 2019606685 | Nguyễn Minh   | Đức    | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 45,000     |
| 298 | 2019607061 | Phương        | Dung   | Nữ  | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 234,700    |
| 299 | 2019606552 | Nguyễn Văn    | Mạnh   | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 45,000     |
| 300 | 2019606900 | Bùi Duy       | Ngọc   | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 281,600    |
| 301 | 2019606423 | Đặng Hoàng    | Phương | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 12,000     |
| 302 | 2019606317 | Hoàng Văn     | Thành  | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 281,600    |
| 303 | 2019607137 | Trần Xuân     | Tú     | Nam | 2019DHDTTT07      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 5,000      |
| 304 | 2019601711 | Vũ Bá         | Kiên   | Nam | 2019DHKTMT01      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 291,600    |
| 305 | 2019601247 | Lê Hữu        | Việt   | Nam | 2019DHKTMT01      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 5,850,000  |
| 306 | 2019605952 | Đỗ Đức        | Anh    | Nam | 2019DHKTMT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,200      |
| 307 | 2019605007 | Bùi Anh       | Hoàn   | Nam | 2019DHKTMT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,925,000  |
| 308 | 2019606522 | Trần Đức      | Tùng   | Nam | 2019DHKTMT02      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 18,000     |
| 309 | 2019604726 | Lê Thị Thùy   | Giang  | Nữ  | 2019DHTTMT01      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,200      |
| 310 | 2019602769 | Trịnh Thị     | Hương  | Nữ  | 2019DHTTMT01      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 10,891,200 |
| 311 | 2019602243 | Nguyễn Thị    | Thảo   | Nữ  | 2019DHTTMT01      | Khoa Điện tử | ĐH K14 (2019-2023) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 5,850,000  |
| 312 | 1141050151 | Trần Minh     | Trang  | Nam | thuật Điện tử 2   | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 3,400      |
| 313 | 1041050309 | Ngô Thanh     | Tùng   | Nam | thuật Điện tử 4   | Khoa Điện tử | ĐH K10 (2015-2019) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 118,000    |
| 314 | 1141150058 | Nguyễn Trọng  | Hiếu   | Nam | mạng máy tính 1   | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,400      |
| 315 | 1141150066 | Nguyễn Quang  | Tinh   | Nam | mạng máy tính 1   | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 36,000     |
| 316 | 1141150112 | Hoàng Ngọc    | Tân    | Nam | mạng máy tính 2   | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 2,600      |
| 317 | 1141150080 | Phạm Minh     | Tiến   | Nam | mạng máy tính 2   | Khoa Điện tử | ĐH K11 (2016-2020) | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 39,400     |
| 318 | 2019608146 | Vũ Hồng       | Quân   | Nam | LT CĐ - ĐH ĐTTT 1 | Khoa Điện tử | ĐH K15 LT          | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 20,000     |
| 319 | 2020608729 | Vũ Ngọc       | Thủy   | Nam | LT CĐ - ĐH ĐTTT 2 | Khoa Điện tử | ĐH K15 LT          | Đã tốt nghiệp (SQĐ: 738 ngày 15/06/2023) | 1,000      |